

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

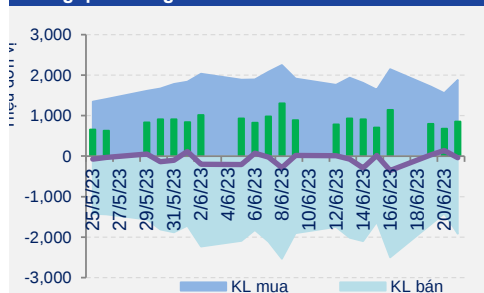
21/6/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

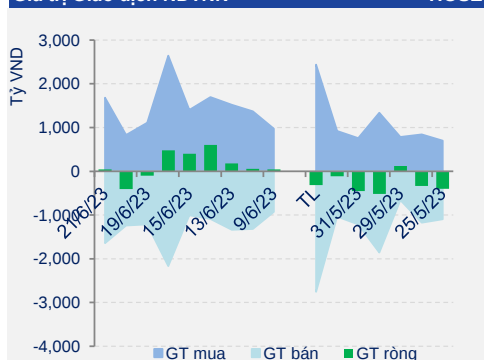
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,118.46	231.77
% Thay đổi	↑ 0.61%	↑ 1.31%
KLGD (CP)	853,539,820	119,147,380
GTGD (tỷ đồng)	17,482.44	2,119.73
Tổng cung (CP)	1,919,672,816	166,288,400
Tổng cầu (CP)	1,880,132,941	152,550,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,225,554	2,982,198
KL mua (CP)	51,724,954	1,689,330
GT mua (tỷ đồng)	1,682.75	30.67
GT bán (tỷ đồng)	1,641.36	106.50
GT ròng (tỷ đồng)	41.39	(75.83)

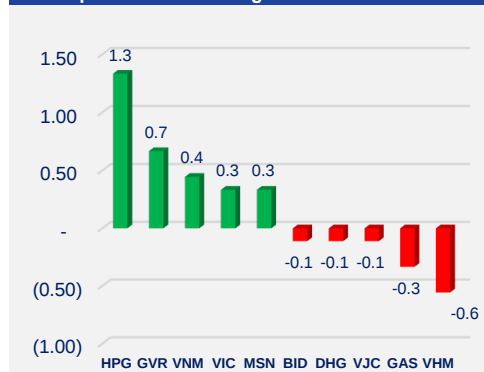
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp xu hướng phục hồi phiên trước, VN-INDEX trong phiên hôm nay giao dịch tích cực ngay từ đầu phiên với thanh khoản cải thiện mạnh trong phiên sáng, xu hướng tăng điểm duy trì tích cực đến cuối phiên với thanh khoản gia tăng hơn. Kết phiên VN-INDEX tăng 6,74 điểm (+0,61%) lên mức 1.118,46 điểm để tiếp tục kiểm tra lại vùng đỉnh giá tháng 01/2023 tương ứng vùng 1.125 điểm. HNX-INDEX tích cực khi tăng 3,00 điểm (+1,31%) lên mức 231,77 điểm. Độ rộng duy trì tích cực với tổng cộng 448 mã tăng giá (21 mã tăng trần), 165 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 110 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.597,49 tỉ đồng, tăng mạnh 31,15% so với phiên trước, duy trì vượt mức trung bình khi có nhiều mã, nhóm mã vượt vùng giá đỉnh cũ, thanh khoản đột biến. Nhà đầu tư nước ngoài gia mua ròng nhẹ trở lại trên HOSE với giá trị 41,39 tỷ đồng, gia tăng mua ròng đối với nhóm cổ phiếu thép; gia tăng bán ròng trên HNX với giá trị 75,83 tỷ đồng.

Sau phiên giao dịch có thanh khoản thấp nhất từ đầu tháng ở phiên trước, thị trường đã tăng điểm tốt trở lại với nhiều mã, nhóm mã tăng giá tích cực hết biên độ, thanh khoản đột biến nổi bật như nhóm cổ phiếu đầu tư công, xây dựng vật liệu xây dựng với BCC (+8,21%), VLB (+7,34%), DHA (+7,00%), KSB (+6,97%), HT1 (+6,91%), FCN (+4,42%), PLC (+4,28%) ...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến tích cực ngay từ đầu phiên khi thanh khoản cải thiện với nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ, tăng giá tích cực như AGR (+6,87%), CTS (+6,82%), VIX (+4,98%), BVS (+4,64%), HCM (+4,40%), FTS (+3,50%)...

Các cổ phiếu nhóm thép cũng có diễn biến phục hồi tăng giá tốt, vượt đỉnh cũ với thanh khoản gia tăng mạnh và là động lực phục hồi của VN-INDEX trong phiên chiều như HPG (+4,02%), HOM (+ 9,62%), NKG (+4,42%), HSG (+3,31%), VGS (+2,78%) ...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su duy trì tăng điểm, nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ với thanh khoản cải thiện tốt như GVR (+3,72%), PHR (+2,24%), KBC (+1,94%), VGC (+1,46%)...

Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến tích cực như cảng biển, logistics với GMD (+1,57%), HAH (+1,61%), SGP (+1,91%)..., hóa chất với CSV (+2,03%), DGC (+ 1,27%).. nông nghiệp BAF (+2,62%), TAR (+2,58%), LTG (+2,03%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng duy trì phân hóa, giao dịch với thanh khoản ở mức trung bình với các mã tăng giá như ABB (+2,27%), LPB (+1,35%), TCB (+1,09%), MBB (+1,02%).. ngoài các mã giảm giá như KLB (-0,71%), HDB (-0,27%), BID (-0,23%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng mạnh 15,5 điểm (+1,14%), mức chênh lệch chuyển từ âm sang chênh lệch dương 3,43 điểm so với VN30, với khối lượng giao dịch tăng 19,99%; cho thấy tâm lý lạc quan với kỳ vọng tăng trưởng ngắn hạn của VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -11,87 điểm đến -21,07 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang lạc quan đối với chỉ số VN30, gia tăng các vị thế mua ở VN30 và phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-Index tiếp tục tăng điểm tốt và mạnh về cuối phiên sau phiên hồi phục hôm qua, qua đó tiếp tục củng cố nền tảng tích lũy trước ngưỡng cản 1.120 điểm. Hiện tại khu vực 1.120 điểm – 1.125 điểm đang là vùng kháng cự khá mạnh và nếu vượt qua thì kháng cự tiếp theo của VN-Index sẽ là quanh 1.150 điểm, vùng hỗ trợ của chỉ số là 1.095 điểm. Như chúng tôi thường xuyên phân tích và đề cập trong các bản tin trước thì sóng hồi được dự báo sẽ còn tiếp diễn và VnIndex hoàn toàn có khả năng tiệm cận vùng kháng cự 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục duy trì đà tăng sau phiên hồi phục hôm qua, phiên tăng điểm này giúp VnIndex quay lại tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.120 điểm và tiếp tục duy trì nền tảng tích lũy ngắn. Chốt phiên VnIndex tăng +6,74 điểm (+0,61%) và đóng cửa ở 1.118,46 điểm. Mặc dù đã tạo ra nhiều nền tảng tích lũy trên đường phục hồi thời gian qua, nhưng VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc, điều chỉnh khi kiểm định lại ngưỡng kháng cự mạnh của thị trường. Với nền tảng gốc và quá trình hồi phục tin cậy, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ sớm vượt ngưỡng kháng cự và hướng tới vùng 1.150 điểm.

Thị trường trong dài hạn đã chuyển đổi sang giai đoạn hậu tích lũy và tạo cơ sở cho khả năng có thể hình thành Uptrend. Dự báo về uptrend trong giai đoạn hiện tại là quá sớm bởi VnIndex vẫn chưa tiệm cận khu vực kháng cự tương ứng 1.150 điểm của nền tảng tích lũy rộng, đồng thời để có thể hình thành uptrend cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực.

Thị trường vẫn tích cực và đã có những nhịp điều chỉnh củng cố xu hướng, nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục và quan sát diễn biến thị trường tại vùng kháng cự 1.120 điểm – 1.125 điểm. Với nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ và có thể tận dụng mua vào các cổ phiếu mục tiêu trong các nhịp điều chỉnh. Nhà đầu tư nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
PVD	24.90	22.5-23.8	26.5-27.5	22	529.8	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	19.50	16-17	20.5-21	15	23.6	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	44.20	38-39	48-49	37	4.3	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	28.50	25-26.6	30-31	23	18.8	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	14.00	12.5-13.2	15-15.5	12	17.5	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	51.80	49.5-51.6	62-64	46	16.9	2.5%	-26.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	33.00	31-31.5	40-42	29	15.6	-1.3%	-68.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	32.65	26.4	34-36	31	23.67%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.80	18	24-26	23	37.78%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.35	40	52-54	46	20.88%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.10	25.1	33-34	30.5	31.87%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.40	12.75	18-18.5	12.8	5.10%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	59.20	54.8	65-67	57	8.03%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.30	28.05	34-35	27	4.46%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	51.80	51	62-64	48	1.57%	Giải ngân giá 51

TIN VĨ MÔ

Qatar ký hợp đồng cung cấp khí đốt cho Trung Quốc trong 27 năm

Bộ trưởng Năng lượng Qatar cho biết, nước này đồng ý cung cấp khí đốt tự nhiên cho tập đoàn dầu khí quốc gia Trung Quốc trong 27 năm tới. Trong thời gian này, mỗi năm Qatar sẽ cung cấp 4 triệu tấn khí đốt tự nhiên từ Dự án mỏ North Field East mở rộng cho đối tác Trung Quốc, đây là thỏa thuận cung cấp LNG thứ hai của Doha với Bắc Kinh.

Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 4,2% trong năm 2023

Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Tập đoàn Maybank, ông Khairussaleh Ramli cho biết, sáu nền kinh tế ASEAN bao gồm Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam, dự kiến sẽ tăng trưởng 4,2% trong năm 2023, vượt xa mức tăng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu dự kiến ở mức 2%.

Giá xăng giữ nguyên, dầu tăng giảm tùy loại

Chiều ngày 21/6, Liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá các mặt hàng xăng dầu. Theo đó giá xăng tiếp tục được giữ nguyên. Đối với các mặt hàng dầu, có mức tăng từ 133 đồng/lít - 146 đồng/lít, riêng với dầu mazut 180CST 3.5S giảm 132 đồng/lít.

Xuất khẩu rau quả 6 tháng gần bằng cả năm ngoái

Hiệp hội Rau quả Việt Nam công bố riêng tháng 6, xuất khẩu rau quả đạt trên 723 triệu USD, tăng hơn 79% so với cùng kỳ 2022, trong đó, sầu riêng, thanh long đóng góp nhiều nhất. Lũy kế tới nay, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt gần 2,8 tỷ USD, tăng hơn 63% so với cùng kỳ và gần bằng kim ngạch xuất cả năm ngoái. Dự báo 6 tháng có thể đạt 3 tỷ USD.

Việt Nam tiếp tục không nằm trong Danh sách giám sát về thao túng tiền tệ

Theo tin từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cho biết vào ngày 17/6 vừa qua, Bộ Tài chính Mỹ đã ban hành Báo cáo về "Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ" trong đó Việt Nam không nằm trong danh sách các quốc gia bị giám sát về thao túng tiền tệ.

Đến 15/06, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt 3.36%

Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Đào Minh Tú chia sẻ tại Họp báo Thông tin kết quả hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm 2023, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 12.32 triệu tỷ đồng, tăng 3.36% so với cuối năm 2022. Lãi suất tiền gửi bình quân của các NHTM ở mức khoảng 5.8%/năm (giảm 0.7% so với cuối năm 2022); lãi suất cho vay bình quân VNĐ ở mức khoảng 8.9%/năm (giảm 1%/năm so với cuối năm 2022).

TIN DOANH NGHIỆP

Petrosetco (PET) tiếp tục bảo lãnh 300 tỷ đồng và 10 triệu USD cho đơn vị thành viên vay vốn

Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) thông qua việc bảo lãnh đơn vị thành viên vay vốn tại ngân hàng. Cụ thể, Petrosetco bảo lãnh cho CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM với giá trị tối đa 300 tỷ đồng, mục đích khoản vay cho vay ngắn hạn, thấu chi để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, LC và các nghiệp vụ sản phẩm tín dụng.

Chứng khoán HSC được 3 ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 11,000 tỷ đồng

Ngày 19/06, CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC, HOSE: HCM) công bố về việc được 3 ngân hàng gồm Vietcombank, Vietinbank và MSB phê duyệt cấp tín dụng với tổng hạn mức cấp tín dụng tới 11,000 tỷ đồng.

CNG trả cổ tức bằng tiền và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 50%

CTCP CNG Việt Nam (HOSE: CNG) sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng tỷ lệ 50%. Trong đó, 20% trả cổ tức năm 2022 bằng tiền và 30% nhằm phát hành cổ phiếu thưởng. Với tỷ lệ thực hiện quyền như trên và khối lượng lưu hành gần 27 triệu cp, CNG dự kiến chi gần 54 tỷ đồng tiền mặt và phát hành gần 8.1 triệu cp thưởng cho cổ đông.

PNJ lãi gần 1.000 tỷ đồng sau 5 tháng đầu năm

Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) công bố kết quả kinh doanh lũy kế 5 tháng đầu năm 2023 với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 14.281 tỷ đồng và 970 tỷ đồng. Chỉ riêng trong tháng 5/2023, Công ty ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2.223 tỷ đồng và 111 tỷ đồng, xấp xỉ bằng với tháng 4/2023

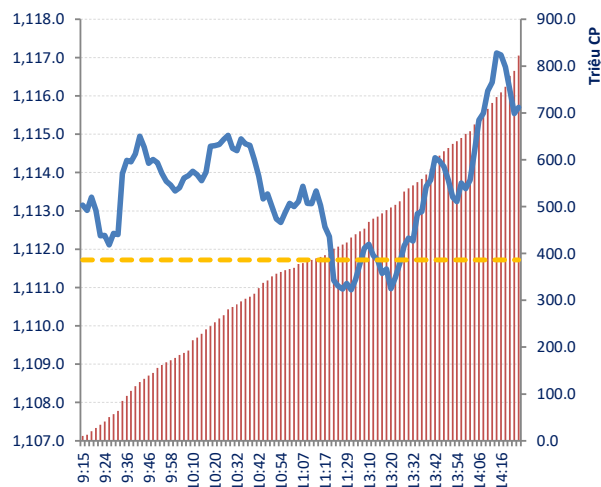
STG: Hợp tác với nhà khai thác cảng hàng đầu thế giới PSA, không chia cổ tức 2023

Năm 2023, Sotrans đặt mục tiêu tổng doanh thu 2,990 tỷ đồng tăng 13%; lợi nhuận sau thuế 388 tỷ đồng, tăng 53% so với thực hiện năm 2022.

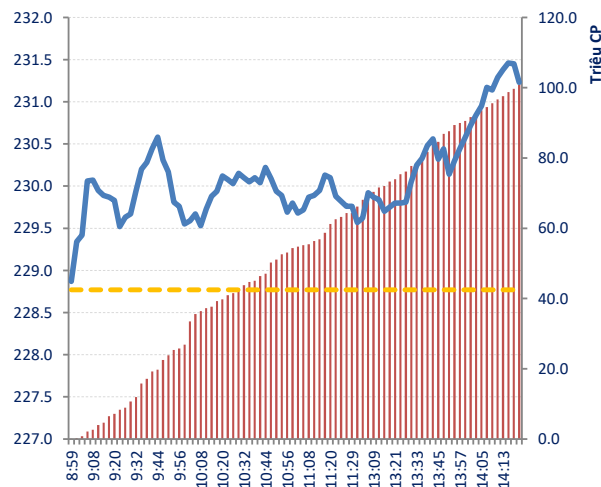


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

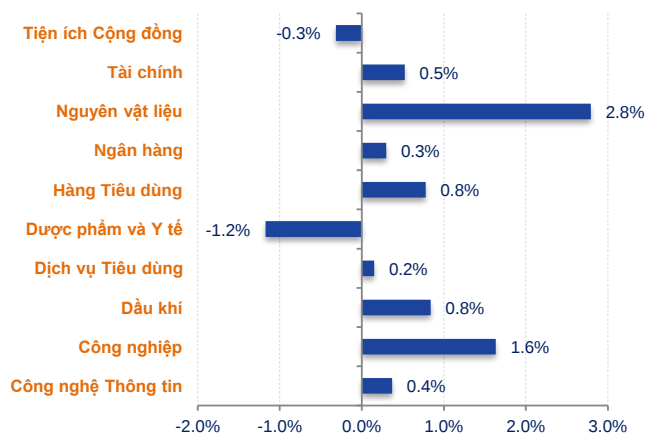
KLGD và VN-Index trong phiên



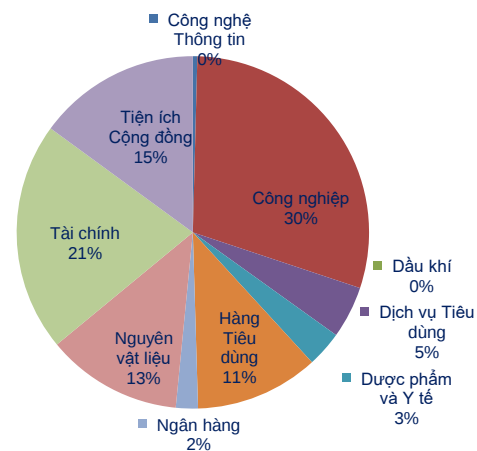
KLGD và HNX-Index trong phiên



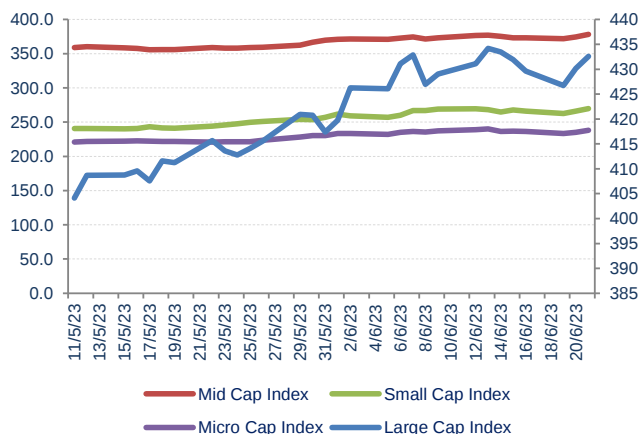
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



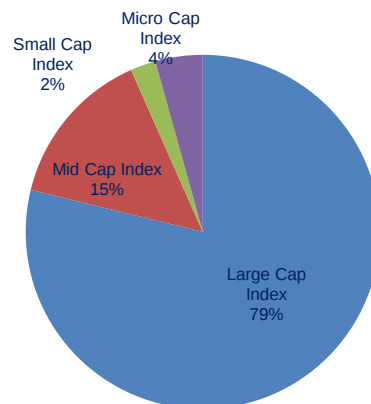
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,653,400	TPB	2,234,600	1	SHS	1,195,100	IDC	1,230,300
2	STB	3,308,200	VNM	2,159,500	2	TNG	156,900	PVS	1,165,000
3	GEX	2,092,500	CTG	1,166,500	3	TVD	21,100	CTC	84,200
4	SSI	1,945,800	FCN	1,111,000	4	PVB	10,000	NVB	50,000
5	DBC	1,227,200	FUEVFNVD	1,081,000	5	VTV	10,000	BVS	49,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
GEX	19.20	20.30	↑ 5.73%	40,861,600	HUT	18.50	20.10	↑ 8.65%	25,419,987
HPG	23.65	24.60	↑ 4.02%	37,992,000	SHS	13.80	14.00	↑ 1.45%	22,372,809
NVL	14.50	14.50	→ 0.00%	28,742,600	PVS	33.10	33.10	→ 0.00%	6,918,294
VND	19.60	19.75	↑ 0.77%	28,166,700	CEO	25.70	25.80	↑ 0.39%	5,153,996
SHB	12.70	12.70	→ 0.00%	27,687,400	IDC	43.00	43.40	↑ 0.93%	4,268,638

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%	DDG	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
DHA	39.30	42.05	2.75	↑ 7.00%	PPE	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
HAS	8.29	8.87	0.58	↑ 7.00%	PTD	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
KSB	27.25	29.15	1.90	↑ 6.97%	CET	8.30	9.10	0.80	↑ 9.64%
ST8	25.10	26.85	1.75	↑ 6.97%	HOM	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	45.80	42.60	-3.20	↓ -6.99%	BKC	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
HTL	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%	VCM	29.10	26.20	-2.90	↓ -9.97%
GTA	17.95	16.80	-1.15	↓ -6.41%	THB	12.30	11.10	-1.20	↓ -9.76%
BTT	32.45	31.00	-1.45	↓ -4.47%	GLT	22.00	19.90	-2.10	↓ -9.55%
SVT	13.55	13.00	-0.55	↓ -4.06%	STC	20.40	18.50	-1.90	↓ -9.31%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	40,861,600	0.1%	23	846.9	0.8
HPG	37,992,000	0.7%	114	207.1	1.4
NVL	28,742,600	1.8%	414	35.0	0.6
VND	28,166,700	4.1%	487	40.3	1.6
SHB	27,687,400	18.7%	2,610	4.9	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	25,419,987	1.3%	146	126.8	1.7
SHS	22,372,809	2.1%	224	61.6	1.2
PVS	6,918,294	5.6%	1,498	22.1	1.2
CEO	5,153,996	7.5%	1,057	24.3	1.8
IDC	4,268,638	34.3%	6,675	6.4	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 7.0%	0.4%	115	260.3	1.0
DHA	↑ 7.0%	11.4%	3,272	12.0	1.4
HAS	↑ 7.0%	-0.1%	(9)	-	0.5
KSB	↑ 7.0%	6.4%	1,623	16.8	1.1
ST8	↑ 7.0%	69.7%	7,932	3.2	2.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	↑ 10.0%	4.2%	546	14.6	0.6
PPE	↑ 9.9%	19.7%	932	8.7	1.5
PTD	↑ 9.8%	20.1%	3,763	3.8	0.7
CET	↑ 9.6%	1.7%	192	43.2	0.7
HOM	↑ 9.6%	2.2%	294	17.7	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,653,400	0.7%	114	207.1	1.4
STB	3,308,200	14.9%	3,006	9.7	1.4
GEX	2,092,500	0.1%	23	846.9	0.8
SSI	1,945,800	6.9%	1,035	24.8	1.7
DBC	1,227,200	-3.8%	(741)	-	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,195,100	2.1%	224	61.6	1.2
TNG	156,900	17.8%	2,666	6.9	1.3
TVD	21,100	34.6%	4,615	3.5	1.0
PVB	10,000	-6.3%	(1,080)	-	1.4
VTV	10,000	3.8%	522	9.8	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,778	23.2%	6,533	15.3	3.3
VHM	239,926	24.9%	8,269	6.7	1.5
BID	220,046	19.7%	3,972	11.0	2.0
VIC	198,325	5.1%	1,800	28.9	1.5
GAS	184,696	24.1%	7,689	12.6	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,821	5.6%	1,498	22.1	1.2
IDC	14,190	34.3%	6,675	6.4	2.3
THD	13,930	4.0%	672	59.2	2.3
KSF	11,850	4.9%	1,094	36.1	1.7
BAB	11,751	9.6%	1,140	12.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

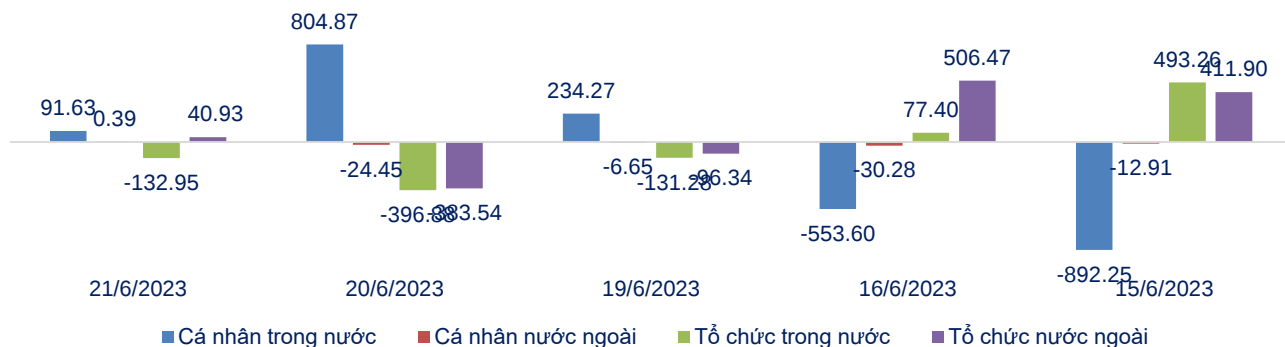
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.78	-0.4%	(48)	-	0.5
QCG	3.74	0.3%	49	181.3	0.6
TTB	3.40	0.3%	27	102.1	0.3
DPG	2.53	15.4%	5,264	6.3	0.9
LDG	2.26	-2.1%	(267)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.05	8.2%	921	13.1	1.0
FID	3.03	0.0%	1	4,462.7	0.3
AAV	2.99	-0.2%	(27)	-	0.5
IPA	2.86	-5.9%	(1,066)	-	0.9
VC7	2.82	2.4%	262	70.1	1.7

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	129.72	1.8%	414	35.0	0.6
VNM	107.90	23.5%	3,881	16.9	4.0
GEX	48.55	0.1%	23	846.9	0.8
CII	42.80	1.1%	362	51.1	0.6
VPB	40.51	11.8%	1,796	10.9	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-139.04	0.7%	114	207.1	1.4
VSC	-131.57	8.1%	2,115	15.7	1.3
SSI	-78.22	6.9%	1,035	24.8	1.7
TIP	-43.97	6.3%	1,624	13.1	0.8
FRT	-37.74	11.2%	1,620	39.6	4.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	6.42	6.1%	828	22.7	1.4
VCI	3.26	7.7%	1,206	30.7	2.3
PDR	2.52	9.7%	1,321	13.0	1.4
CII	2.52	1.1%	362	51.1	0.6
PNJ	1.62	21.5%	5,368	13.5	2.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-4.57	0.1%	23	846.9	0.8
SKG	-3.77	8.0%	1,071	18.6	1.4
SSI	-3.41	6.9%	1,035	24.8	1.7
MIG	-1.33	0.0%	-	-	1.5
BCG	-1.19	0.6%	161	61.4	0.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	131.98	8.1%	2,115	15.7	1.3
TIP	43.78	6.3%	1,624	13.1	0.8
VNM	34.25	23.5%	3,881	16.9	4.0
SSI	27.60	6.9%	1,035	24.8	1.7
ACB	26.17	25.4%	3,742	5.8	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-120.60	1.8%	414	35.0	0.6
GEX	-91.61	0.1%	23	846.9	0.8
STB	-74.33	14.9%	3,006	9.7	1.4
CII	-44.92	1.1%	362	51.1	0.6
VIC	-29.92	5.1%	1,800	28.9	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	138.43	0.7%	114	207.1	1.4
STB	97.67	14.9%	3,006	9.7	1.4
SSI	54.03	6.9%	1,035	24.8	1.7
GEX	47.63	0.1%	23	846.9	0.8
FRT	37.89	11.2%	1,620	39.6	4.3

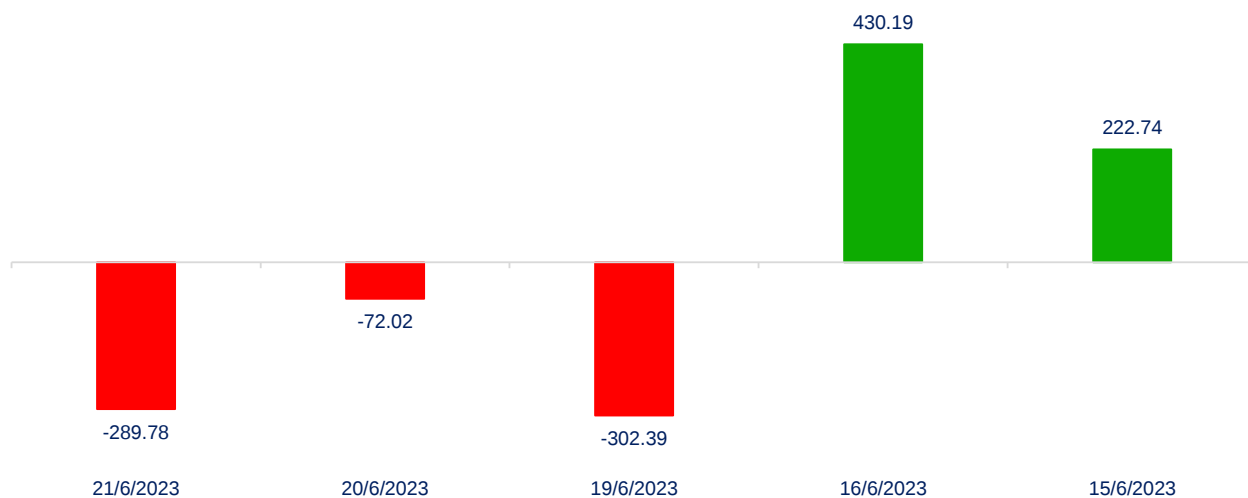
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-143.04	23.5%	3,881	16.9	4.0
TPB	-40.76	20.3%	2,884	6.3	1.2
VCB	-37.06	23.2%	6,533	15.3	3.3
CTG	-33.64	15.9%	3,548	8.2	1.2
VHM	-29.99	24.9%	8,269	6.7	1.5

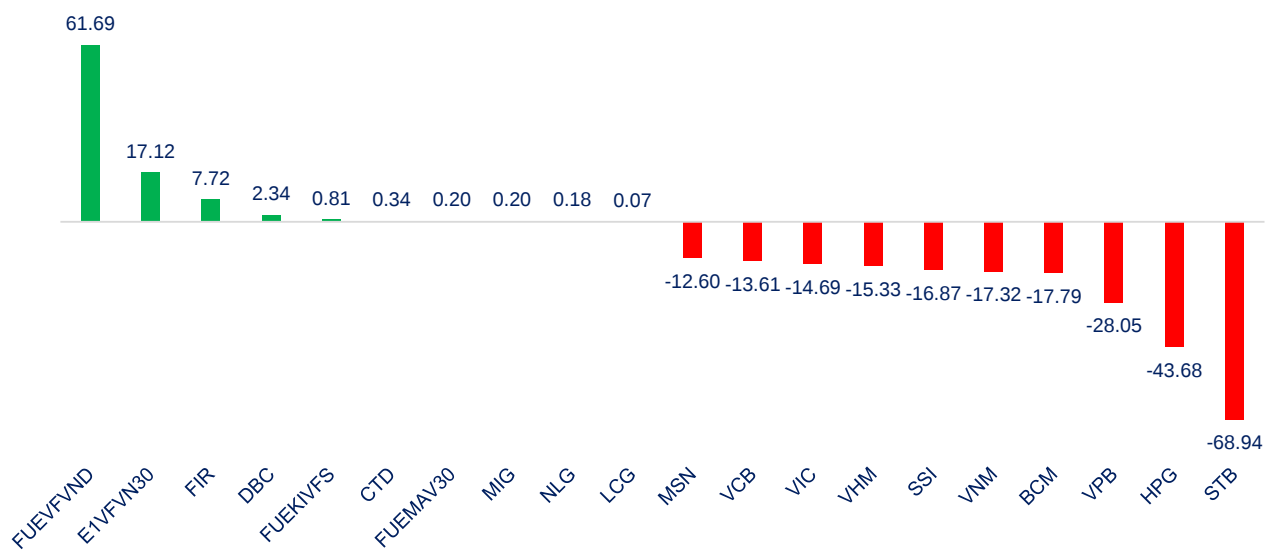


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn